TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:67/2022/HNGĐ –ST
Ngày 29/11/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên

2. Bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐSXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn A, xã H, thị xã L, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn*: anh **Hoàng Văn C**, sinh năm 1985

3. *Người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Văn C*: ông Hoàng Văn C1 sinh năm 1961 và bà Lê Thị Y, sinh năm 1963 (là bố mẹ đẻ của anh C)

Đều ở địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện X, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: chị và anh Hoàng Văn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên vào ngày 25/9/2012. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do anh C mê tín, cho rằng chị không bằng những người phụ nữ khác nên có lời lẽ xúc phạm chị đặc biệt từ năm 2015 do anh C không muốn chị sinh con thứ hai nên có lời lẽ cay nghiệt đối với mẹ con chị. Năm 2016 anh C đang làm việc tại Sở nội vụ tỉnh Điện Biên nhưng bỏ việc để đi làm tại TP Hà Nội, không có trách nhiệm gì với gia đình, thường xuyên thúc giục chị làm đơn ly hôn. Mặc dù vậy chị vẫn nghĩ vì gia đình nên khoảng tháng 7/2018 chị đưa hai con về xã B, huyện Kiến Xương ở với hi vọng hàn gắn, đoàn tụ, tuy nhiên anh C vẫn sống vô trách nhiệm với mẹ con chị nên đầu năm 2019 chị và con thứ hai đã về Yên Bái ở, sau đó anh C bị bệnh nên chị đưa con lớn lên ở cùng. Xác định không trở về đoàn tụ được nên chị đề nghị được ly hôn anh C.

Về con chung: chị và anh C có hai con chung tên Hoàng Phúc B, sinh ngày 28/3/2013 và Hoàng Thu Ph, sinh ngày 28/6/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị làm tại công ty TNHH một thành viên C, địa chỉ tổ 7, phường T, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái thu nhập bình quân 6.500.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và nợ chung: không có. Do việc đi lại xa xôi, gặp khó khăn nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hai con chung Hoàng Phúc B và Hoàng Thu Ph có nguyện vọng được ở với chị Q.

Người đại diện hợp pháp của anh C, ông Hoàng Văn C1và bà Lê Thị Y trình bày về quá trình chung sống, thời gian sống ly thân như chị Q khai. Anh C bị bệnh tâm thần phân liệt từ năm 2019 nhưng chị Q cũng không thăm nom, quan tâm gì. Ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị Q theo quy định của pháp luật và được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại UBND xã B về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị Q trình bày. Anh C bị bệnh tâm thần phân liệt từ năm 2019 chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Hoàng Văn C; về con chung giao hai con chung Hoàng Phúc B và Hoàng Thu Ph cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Chị Nguyễn Thị Q khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn C, có nơi cư trú tại xã B, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khoảng năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong cách sống, đã ly thân từ năm 2019, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Q, ý kiến của Kiểm sát viên xử cho chị được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: điều kiện sức khỏe, khả năng chăm sóc con, mức thu nhập của chị Q đảm bảo hơn anh C và hiện nay hai con đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị Q. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Q giao hai con chung Hoàng Phúc B và Hoàng Thu Ph cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản và nợ chung: không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. **Về quan hệ con chung**: Giao hai con chung Hoàng Phúc B, sinh ngày 28/3/2013 và Hoàng Thu Ph, sinh ngày 28/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh C có quyền thăm nom con chung. Chị Q và anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. **Về tài sản và nợ chung**: không giải quyết trong vụ án này.

4. **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)đồng* án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn)đồng* chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001718 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, chị Q đã nộp đủ án phí.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND phường N.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ